

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate.

Căn cứ Thông báo số 4875/TB-STNMT ngày 06/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate.

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 09/WP-TT ngày 14/12/2023 của Công ty TNHH MTV Wood Pellets Triệu Phong;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5086/TTr-STNMT ngày 19/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Wood Pellets Triệu Phong, địa chỉ tại CCN Ái Tử, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate tại lô đất CK-KL-03 của KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất CK-KL-03 của KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200587655 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 10/01/2014; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 12/04/2021.

1.4. Mã số thuế: 3200587655.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích của dự án: 22.950 m², bao gồm các hạng mục như sau:

+ Nhà xưởng sản xuất diện tích 9.560 m², có kết cấu nhà xưởng công nghiệp bằng khung thép, mái tôn, kết cấu chịu lực chính móng, cột, giằng BTCT, nền bê tông; được phân thành 02 khu vực chính phục vụ cho 02 dây chuyền sản xuất: chế biến Titan sa khoáng và sản xuất Zirconium Silicate.

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường: Cụm bể lắng dây chuyền sản xuất Ilmenite, Rutile, Zircon: 198 m², Bể lọc nước thải 15 m², bể chứa nước sản xuất và PCCC 669 m², bể thu gom nước tái sử dụng 60 m², Bể tách dầu mỡ 2m², Kho chứa CTR và CTNH 45 m²; Kho lưu trữ quặng đuôi 42 m²; Bể lọc nước thải giai đoạn 2 là 4 m², Cây xanh 4.629 m².

+ Các hạng mục phụ trợ với diện tích 8.446 m², gồm: Nhà điều hành, Nhà ăn công nhân, Nhà thí nghiệm và kho thiết bị, Bể chứa sản phẩm Zirconium silicate, Trạm cân, Bãi tiếp nhận hàng hóa, Garage để xe, Trạm biến áp, Nhà bảo vệ, Sân đường bê tông, Cổng, tường rào.

- Công nghệ sản xuất, vận hành

+ Công nghệ sản xuất giai đoạn 1: Quặng tổng hợp → Vít xoắn → Tuyển từ ướt → Bàn đãi trọng lực → Sấy → Tuyển từ trung/tuyển điện/tuyển từ cao → Sản phẩm.

+ Công nghệ sản xuất giai đoạn 2: Zircon (sản phẩm của giai đoạn 1) → Máy nghiền bi, hạt thô → Nghiền tốc độ cao → Bể chứa sản phẩm nghiền ướt → Máy ép lọc → Máy sấy Flash → Máy quay làm rời sản phẩm → Ép bánh → Đóng gói sản phẩm.

- Quy mô: Dự án nhóm chế biến khoáng sản có tổng mức đầu tư 70 tỷ đồng, có tiêu chí như Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Giai đoạn 1: Tuyển tách quặng titan sa khoáng với công suất 72.000 tấn quặng titan sa khoáng/năm, bao gồm: Ilmenite (TiO₂: 48% ÷ 58%) là 60.000 tấn/năm; Zircon (ZrO₂: 60% ÷ 65%) là 6.000 tấn/năm; Rutile (TiO₂: 80% ÷ 92%) là 6.000 tấn/năm.

+ Giai đoạn 2: Chế biến bột Zirconium Silicate (là bột Zircon siêu mịn, $ZrO_2 \geq 65\%$, có cỡ hạt $\leq 5\mu m$) với công suất: 6.000 tấn/năm.

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Wood Pellets Triệu Phong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

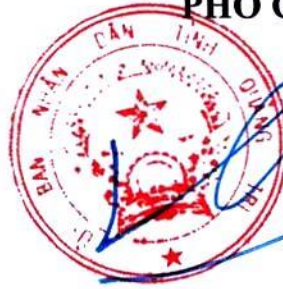
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày. **21**.. tháng 12 năm 2023 đến ngày. **21**.. tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật. / *th*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Wood Pellets Triệu Phong;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- UBND huyện Gio Linh;
- Chánh VP, PVP Nguyễn Cửu;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Thu). *PC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****Dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **99** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh khu nhà ăn công nhân;
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh khu nhà điều hành;
- 1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ăn.
- 1.4. Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình tuyển tách quặng titan sa khoáng giai đoạn 1.
- 1.5. Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình chế biến bột Zirconium Silicate.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (bao gồm nguồn số 01, 02, 03): Nước thải sau khi xử lý được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang trên tuyến RD-01 tại góc phía Đông Nam của dự án.

- Nước thải từ nguồn số 04, 05: Quay vòng tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Vị trí đầu nối giữa ống thoát nước thải sinh hoạt của dự án với hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang trên tuyến RD-01.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.868.880 m; Y=589.544 m (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,25m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả thải bằng hình thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục trong ngày (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B, hệ số K=1,2), cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/l	5,5-9	06 tháng/ lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MNP/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Thu gom nước thải từ nhà vệ sinh và nhà ăn công nhân:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của Nhà điều hành: được thu gom bằng ống PVC Ø140, chiều dài 3m và dẫn vào bể tự hoại 5 ngăn để xử lý.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của Nhà ăn công nhân: được thu gom bằng ống PVC Ø140, chiều dài 3m và dẫn vào bể tự hoại 5 ngăn để xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn: Được thu gom bằng ống PVC Ø100, chiều dài 3m và dẫn vào bể tách dầu mỡ để xử lý.

- Thoát nước thải từ nhà vệ sinh và ăn công nhân:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của Nhà điều hành và Nhà ăn công nhân sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn được thoát ra bằng ống PVC Ø110 và nối vào ống PVC Ø150, chiều dài 90m chạy song song theo mương thoát nước mưa phía Nam của nhà máy và đầu nối vào Hồ ga và thoát ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang trên tuyến RD - 01.

+ Nước thải từ nhà ăn được thu gom bằng ống PVC Ø100, chiều dài 5m và dẫn ra bể tách dầu mỡ để xử lý. Sau khi xử lý được dẫn chung vào ống PVC Ø150, chiều dài 90m từ 02 bể tự hoại 5 ngăn để đầu nối vào Hồ ga và thoát ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang trên tuyến RD - 01.

1.1.2. Nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất giai đoạn 1: Nước thải sau các công đoạn tuyển đãi bằng nước gồm: vít xoắn, bàn đãi trọng lực, tuyển từ ướt sẽ được thu gom bằng các rãnh thoát nước có kết cấu bằng bê tông, chiều rộng 0,4m, chiều sâu 0,4m và chiều dài 102m. Sau khi thu gom được dẫn về 2 cụm bể lắng để loại bỏ cát, tạp chất sau đó dẫn vào bể chứa nước và bơm tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ khoảng 3-4 tháng/1 lần sẽ sục rửa cụm bể lắng, lượng nước thải từ quá trình sục rửa được dẫn qua bể lọc để xử lý sau đó được bơm tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất giai đoạn 2:

+ Nước thải phát sinh từ bể chứa Zirconium Silicate trong quá trình làm nguội sau công đoạn nghiền thô với tốc độ cao của Zircon nguyên liệu cùng với nước. Tại bể này, lượng nước ngấm trong nguyên liệu sẽ thải ra khoảng 40% và được thu gom bằng mương thoát nước có chiều rộng 0,4m, chiều dài 16m. Sau khi thu gom được dẫn vào bể lọc nước thải để xử lý và thoát ra bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng cho giai đoạn 1.

+ Nước thải phát sinh từ máy ép của công đoạn nghiền ướt sẽ thải ra lượng nước chiếm khoảng 35% nước cấp. Lượng nước này sẽ được thu gom bằng ống PVC Ø110 và đầu nối chung vào mương thoát nước từ bể chứa sản phẩm Zirconium Silicate có chiều rộng 0,4m, chiều dài 16m. Sau khi thu gom được dẫn vào bể lọc nước thải để xử lý và thoát ra bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng cho giai đoạn 1.

- Nước thải từ công đoạn sản xuất quay vòng tái sử dụng, không thải ra ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà điều hành → Bể tự hoại 05 ngăn thể tích 13,8 m³ → Đường ống PVC Ø150 ra Hồ ga và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN trên tuyến RD-01.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà ăn công nhân → Bể tự hoại 05 ngăn thể tích 13,8 m³ → Đường ống PVC Ø150 ra Hồ ga và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN trên tuyến RD-01.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ăn → 01 bể tách dầu mỡ 02 ngăn thể tích 2m³ → Đường ống PVC Ø150 ra Hồ ga và đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN trên tuyến RD-01.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng hệ thống đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo công suất xử lý.

- Thành bể xử lý nước thải sản xuất xung quanh xây cao 60cm nhằm ngăn ngừa nước thải chảy tràn vào những ngày mưa. Theo dõi dự báo lượng mưa và hệ

thống đo mưa chuyên dùng (vrain.vn) để có phương án vào những ngày mưa to, rất to (lượng mưa >50mm/24h, hoặc >25mm/12h), Nhà máy sẽ ngừng cấp nước và tận dụng nguồn nước mưa phục vụ tái sản xuất. Khi lượng mưa trên 500mm/đợt mưa, nhà máy sẽ ngừng hoạt động để tránh xáo trộn nước, phần nước mưa trên bề mặt chảy tràn ra bên ngoài, thoát theo hệ thống thoát nước mưa phía Tây và dẫn qua bể lắng nước mưa 2 ngăn với tổng kích thước là (12×4,6×1,8)m nằm ở khu vực phía Nam Nhà máy. Sau khi qua bể lắng được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN trên tuyến RD-01. Nước sau bể lắng thải ra bên ngoài đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Kq = 0,9, Kf = 1,2).

- Định kỳ 3-4 tháng/lần, nhà máy sẽ ngừng hoạt động 2 ngày để cho bể lắng ổn định, sử dụng chất keo tụ PAC với liều lượng 15-30g/m³ nước thải để lắng các chất lơ lửng xuống đáy bể, phần nước sạch phía trên sẽ được hút đưa vào bể chứa nước phục vụ tái sản xuất. Sau đó, công nhân sẽ đặt máy bơm chìm hút bùn, cát thải đưa về ngăn chứa trong nhà xưởng và tiến hành vệ sinh bể lắng bằng nước. Lượng nước thải vệ sinh ở bể lắng được dẫn qua bể lọc 2 ngăn với tổng kích thước là (5×3×2,2)m để loại bỏ các chất rắn lơ lửng mà cụm bể lắng không thể loại bỏ được. Tại đây, các chất rắn lơ lửng sẽ được giữ lại qua lớp vật liệu lọc gồm: Đá 4x6, đá 1x2, than hoạt tính, cát thạch anh. Lượng nước dùng để vệ sinh cụm bể lắng và dẫn qua bể lọc ước tính khoảng 20m³/lần. Nước thải sau khi qua bể lọc được bơm tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

- Thường xuyên bố trí cán bộ kiểm tra và vệ sinh tuyến thoát nước tránh hiện tượng tắc nghẽn hệ thống và hạn chế tối đa sự cố như rò rỉ nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự kiến 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp (có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành thử nghiệm phát sinh khoảng 100% công suất thiết kế, có khối lượng khoảng 2,25m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí tại Hồ ga đầu nối giữa ống thoát nước thải sinh hoạt của nhà máy với hệ thống thu gom nước thải của KCN trên tuyến đường RD-01.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (sinh hoạt, nhà ăn) phát sinh của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Chất lượng nước thải phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K=1,2). Hoàn thiện thủ tục đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang trước khi hệ thống xử lý nước thải vận hành.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh của dự án, tuần hoàn, tái sử dụng nước thải, không được xả thải ra môi trường. Nghiêm cấm hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép cùng với nước mưa trong nhà máy.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
Dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 39 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy Zircon.
- Nguồn số 02: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy Rutile.
- Nguồn số 03: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải máy sấy Flash.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 01: Tại ống khói lò sấy Zircon. Tọa độ X: 1.868.952m; Y:589.530m.
- Nguồn số 02: Tại ống khói lò sấy Rutile. Tọa độ X: 1.868.968m; Y:589.460m.
- Nguồn số 03: Tại ống khói máy sấy Flash. Tọa độ X: 1.868.962m; Y:589.394m.
(Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng phát sinh lớn nhất: tối đa 34.455 m³/giờ

- Dòng số 01: 2.580 m³/giờ.
- Dòng số 02: 2.580 m³/giờ.
- Dòng số 03: 29.925 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải

- Dòng số 01: sau khi xử lý thoát ra môi trường bằng ống khói số 01 cao 20m.
- Dòng số 02: sau khi xử lý sẽ thoát ra môi trường bằng ống khói số 02 cao 20m.
- Dòng số 03: sau khi xử lý được quạt hút thoát ra môi trường bằng ống khói số 03 cao 22m.

2.2.2. Chất lượng xả ra môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=0,9; Kv=1), cụ thể như sau:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	SO ₂	mg/Nm ³	450	03 tháng/lần theo đề xuất của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01, 02: Khí thải từ lò sấy Zircon và Rutile sẽ được quạt hút dẫn vào Cyclon để xử lý.

- Nguồn số 03: Khí thải từ máy sấy Flash sẽ được dẫn qua hệ thống lọc bụi bằng túi vải để xử lý.

1.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01:

+ Quy trình công nghệ: Khí thải từ lò sấy (Lò sấy được bố trí máy thổi cung cấp thêm Oxy để tăng khả năng cháy) → Quạt hút → Cyclon → Ống khói cao 20m → Xả ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 2.580 m³/giờ.

- Nguồn số 02:

+ Quy trình công nghệ: Khí thải từ lò sấy (Lò sấy được bố trí máy thổi cung cấp thêm Oxy để tăng khả năng cháy) → Quạt hút → Cyclon → Ống khói cao 20m → Xả ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 2.580 m³/giờ.

- Nguồn số 02:

+ Quy trình công nghệ: Khí thải từ máy sấy Flash → Hệ thống lọc bụi bằng túi vải → Ống khói cao 22m → Xả ra ngoài môi trường

+ Công suất: 29.925m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Sự cố cháy nổ lò sấy

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò sấy và vệ sinh dưới bụng lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

- Khi lò sấy vận hành 1 tháng sẽ tiến hành kiểm tra lại toàn bộ lò sấy 1 lần. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.

- Công nhân vận hành lò sấy sẽ được tham gia lớp huấn luyện và đào tạo về quy trình vận hành.

- Lập quy trình vận hành và quy định an toàn đối với lò sấy- Khi xảy ra sự cố lò sấy cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa than đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

1.4.2. Biện pháp duy tu, bảo dưỡng, thay thế các hệ thống xử lý khí thải

- Người quản lý cần nắm rõ nguyên lý, hiệu suất và điều kiện hoạt động của các thiết bị xử lý bụi, khí thải, đồng thời nắm vững các phương pháp điều chỉnh và bảo dưỡng thiết bị.

- Các túi lọc bụi phải được gắn chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên bộ lọc và vệ sinh sạch sẽ đảm bảo thông thoáng cho đường đi của không khí. Nếu phát hiện ra bị cũ và hư hỏng cần thay thế kịp thời.

- Thường xuyên tra dầu mỡ ổ bi, vệ sinh van giữ bụi, túi lọc bụi, kiểm tra các khớp nối.

- Vỏ và các bộ phận khác sẽ được thay thế kịp thời nếu phát hiện có hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp (có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng khí phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn 1: Phát sinh khoảng 100% công suất thiết kế: 2.580m³/giờ/lò đốt.

- Giai đoạn 2: Phát sinh khoảng 100% công suất thiết kế: 29.925 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí 01: tại vị trí đầu ra của HTXL khí thải lò sấy Zircon.

- Vị trí 02: tại vị trí đầu ra của HTXL khí thải lò sấy Rutile.

- Vị trí 03: tại vị trí đầu ra của HTXL khí thải máy sấy Flash.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải không đạt yêu cầu thì cần điều chỉnh, bổ sung công nghệ xử lý đảm bảo khí thải thải ra đảm bảo quy chuẩn xả thải cho phép tại Mục A.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **99** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **12** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc tại nhà xưởng tuyển Ilmenite, Zircon, Rutile giai đoạn 1.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc tại nhà xưởng Chế biến bột Zirconium Silicate giai đoạn 2.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực Nhà xưởng sản xuất, sân tập kết và trạm cân của Nhà máy tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ	Vị trí quan trắc
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần	02 vị trí tại Vị trí đặt máy nghiền, sàng
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	06 tháng/lần	tuyển của 02 giai đoạn và tại 01 vị trí Trạm cân

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các cơ cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung.
- Quy định tốc độ các phương tiện khi hoạt động trong khu vực Nhà máy.
- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai chống ồn.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong các khu vực có tiếng ồn cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Trồng và duy trì hàng rào cây xanh có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn. Tổng diện tích cây xanh của dự án là 4.629m².

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **99** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **12** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	40
6	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	30
Tổng cộng				180

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTRCNTT	Khối lượng (tấn/năm)
1	Cát thải từ công đoạn sản xuất và bùn thải từ HTXL	Rắn/bùn	-	2.996
2	Bao bì nhựa	Rắn	15 01 02	3
3	Giấy và bao bì các tông thải bỏ	Rắn	15 01 01	1
4	Tro đáy và bụi lò sấy	Rắn	10 01 15	6
Tổng cộng				3.006

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 25 kg/ngày.

1.4. Khối lượng quặng đuôi phát sinh: Khoảng 04 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng nhựa composite thể tích 120L.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Được lưu giữ trong nhà kho có diện tích 25m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị chứa: được thu gom vào các bao chứa.

2.2.2. Kho, bãi lưu chứa chất thải: Được lưu giữ trong nhà kho có diện tích 20m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng rác 120L đặt tại khu vực sản xuất, nhà điều hành và nhà ăn công nhân

2.3.2. Kho lưu giữ: Không bố trí.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ quặng đuôi: Được lưu giữ tại kho chứa có diện tích 42m², kết cấu của kho được xây dựng bằng tường gạch đôi, trát vữa xi măng 75#, ở giữa được đổ cát dày 1m. Kho có 01 cửa ra vào, không có cửa sổ. Thực hiện phân định chất thải là quặng đuôi để có phương án xử lý phù hợp.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

- Cát thải từ công đoạn sản xuất và bùn thải từ HTXL được thu gom và vận chuyển về mỏ khai thác hoàn thổ mặt bằng.
- Chất thải rắn từ hoạt động văn phòng và bao bì hư hỏng được bán phế liệu.
- Bụi từ máy sấy Flash được tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về PCCC trong quá trình xây dựng và hoạt động từ khâu chuẩn bị thiết kế, lắp đặt đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng; Lắp đặt các trang thiết bị, hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động theo đúng quy định; Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy an toàn cháy, nổ; Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn cho công nhân phương pháp ứng cứu sự cố cháy nổ. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác PCCC.

2. Sự cố thiên tai: Xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh; Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

3. Sự cố tai nạn lao động: Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành; Hướng dẫn cho công nhân các quy trình kỹ thuật cũng như các quy tắc an toàn vận hành các thiết bị thi công, máy móc vận hành; Thực hiện quy định phòng, chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **99** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, các yêu cầu bảo vệ môi trường và không còn hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy chế biến titan và sản xuất sản phẩm Zirconium Silicate.

D. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÁC CỦA DỰ ÁN

1. Quan trắc môi trường lao động

- Thông số quan trắc: Đánh giá các yếu tố môi trường lao động theo quy định của pháp luật về an toàn lao động.

- Vị trí quan trắc: Tại 02 khu vực nhà xưởng của 02 giai đoạn của nhà máy.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

2. Quan trắc CTR, CTNH, Quặng đuôi

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH và phóng xạ.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa CTR, CTNH, kho quặng đuôi của Nhà máy.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

E. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải

rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.